

THÔNG TƯ**Quy hoạch phân kênh và sử dụng kênh tần số phát thanh FM
băng tần 87-108 MHz**

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 06 năm 2026 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03 tháng 10 năm 2025 ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư Quy hoạch phân kênh và sử dụng kênh tần số phát thanh FM băng tần 87-108 MHz.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy hoạch phân kênh tần số và quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM (Frequency Modulation) băng tần 87-108 MHz.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý, tổ chức sử dụng tần số vô tuyến điện; tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh để sử dụng thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam.

Điều 2. Quy hoạch phân kênh

Quy hoạch phân kênh tần số phát thanh FM băng tần 87-108 MHz (sau đây gọi là kênh tần số) được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy hoạch sử dụng kênh

1. Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho Đài Tiếng nói Việt Nam được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp Đài Tiếng nói Việt Nam có nhu cầu sử dụng kênh tần số ngoài Phụ lục II thì Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) xem xét, giải quyết theo từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở khả thi về sử dụng kênh tần số.

2. Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho cơ quan báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố (cơ quan báo và PTTH tỉnh, thành phố) được quy định tại

Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ quan báo và PTTH tỉnh, thành phố có nhu cầu sử dụng kênh tần số ngoài Phụ lục III thì Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) xem xét, giải quyết theo từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở khả thi về sử dụng kênh tần số.

3. Trường hợp tổ chức có nhu cầu sử dụng kênh tần số ngoài trừ khoản 1, khoản 2 Điều này, thì Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) xem xét, giải quyết theo từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở khả thi về sử dụng kênh tần số.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Thông tư số 37/2017/TT-BTTTT ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan báo và PTTH tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ KHCN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ; Cơ quan báo và phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- CSDL quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, CTS.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Phụ lục I
QUY HOẠCH PHÂN KÊNH TẦN SỐ PHÁT THANH FM
BẢNG TẦN 87-108 MHz

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Bảng tần số: 87 - 108 MHz

Phân kênh tần số:

Công thức xác định tần số trung tâm (MHz):

$$f_n = 87 + n \times 0,1 \quad n = 1, 2, 3, \dots, 209;$$

Bảng tần số trung tâm của các kênh tần số

Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)
1	87,1	43	91,3	85	95,5	127	99,7	169	103,9
2	87,2	44	91,4	86	95,6	128	99,8	170	104
3	87,3	45	91,5	87	95,7	129	99,9	171	104,1
4	87,4	46	91,6	88	95,8	130	100	172	104,2
5	87,5	47	91,7	89	95,9	131	100,1	173	104,3
6	87,6	48	91,8	90	96	132	100,2	174	104,4
7	87,7	49	91,9	91	96,1	133	100,3	175	104,5
8	87,8	50	92	92	96,2	134	100,4	176	104,6
9	87,9	51	92,1	93	96,3	135	100,5	177	104,7
10	88	52	92,2	94	96,4	136	100,6	178	104,8
11	88,1	53	92,3	95	96,5	137	100,7	179	104,9
12	88,2	54	92,4	96	96,6	138	100,8	180	105
13	88,3	55	92,5	97	96,7	139	100,9	181	105,1
14	88,4	56	92,6	98	96,8	140	101	182	105,2
15	88,5	57	92,7	99	96,9	141	101,1	183	105,3
16	88,6	58	92,8	100	97	142	101,2	184	105,4
17	88,7	59	92,9	101	97,1	143	101,3	185	105,5
18	88,8	60	93	102	97,2	144	101,4	186	105,6
19	88,9	61	93,1	103	97,3	145	101,5	187	105,7
20	89	62	93,2	104	97,4	146	101,6	188	105,8
21	89,1	63	93,3	105	97,5	147	101,7	189	105,9

Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh tần số	Tần số trung tâm (MHz)
22	89,2	64	93,4	106	97,6	148	101,8	190	106
23	89,3	65	93,5	107	97,7	149	101,9	191	106,1
24	89,4	66	93,6	108	97,8	150	102	192	106,2
25	89,5	67	93,7	109	97,9	151	102,1	193	106,3
26	89,6	68	93,8	110	98	152	102,2	194	106,4
27	89,7	69	93,9	111	98,1	153	102,3	195	106,5
28	89,8	70	94	112	98,2	154	102,4	196	106,6
29	89,9	71	94,1	113	98,3	155	102,5	197	106,7
30	90	72	94,2	114	98,4	156	102,6	198	106,8
31	90,1	73	94,3	115	98,5	157	102,7	199	106,9
32	90,2	74	94,4	116	98,6	158	102,8	200	107
33	90,3	75	94,5	117	98,7	159	102,9	201	107,1
34	90,4	76	94,6	118	98,8	160	103	202	107,2
35	90,5	77	94,7	119	98,9	161	103,1	203	107,3
36	90,6	78	94,8	120	99	162	103,2	204	107,4
37	90,7	79	94,9	121	99,1	163	103,3	205	107,5
38	90,8	80	95	122	99,2	164	103,4	206	107,6
39	90,9	81	95,1	123	99,3	165	103,5	207	107,7
40	91	82	95,2	124	99,4	166	103,6	208	107,8
41	91,1	83	95,3	125	99,5	167	103,7	209	107,9
42	91,2	84	95,4	126	99,6	168	103,8		

Phụ lục II
QUY HOẠCH SỬ DỤNG KÊNH TẦN SỐ PHÁT THANH FM BẰNG
TẦN 87-108 MHz CHO ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Tên tỉnh, thành phố (địa bàn đặt đài phát sóng ⁽¹⁾)	Tần số trung tâm (MHz)
1.	An Giang	90,5; 95; 96,5; 101; 103,5; 104,5; 105,9
2.	Cà Mau	97,8; 101,5
3.	Cần Thơ	88; 89; 90; 102 ⁽²⁾ ; 92,2; 104
4.	Cao Bằng	94; 97; 103,5
5.	Đà Nẵng	89; 91; 96,5; 100; 102,7; 104; 95; 105,5
6.	Đắk Lắk	88; 90,5; 91; 94; 91,5; 96,5; 100; 102,7
7.	Điện Biên	90,5; 95; 96,5; 100; 102,7
8.	Đồng Nai	101,5
9.	Gia Lai	90,5; 91; 95; 96,5; 100; 101,5; 102,7; 103,5
10.	Hà Nội	89; 104; 105,5; 101
11.	Hà Tĩnh	91; 94; 95; 96,5; 102,7; 94,5
12.	Hải Phòng	95
13.	Huế	95; 100; 101,5; 104,5
14.	Khánh Hòa	90,5; 91; 91,5; 95 ⁽³⁾ ; 96,5; 100; 101; 102,7; 104
15.	Lai Châu	90,5; 95; 96,5; 99,5; 100
16.	Lâm Đồng	88; 90,5; 91,5; 94; 95; 99,5; 94,5; 101; 101,5; 103,5
17.	Lạng Sơn	91,5; 95; 99,5; 101
18.	Lào Cai	91,5; 94; 101; 103,5

STT	Tên tỉnh, thành phố (địa bàn đặt đài phát sóng ⁽¹⁾)	Tần số trung tâm (MHz)
19.	Nghệ An	94; 95; 97; 97,8; 100; 103,5
20.	Phú Thọ	94; 96,5; 99,5; 100; 102,7; 91
21.	Quảng Ngãi	97; 91,5; 94; 95 ⁽⁴⁾ ; 99,5; 100; 101; 101,5; 103,5
22.	Quảng Ninh	91; 91,5; 94; 95; 96,5; 100; 101,5; 103,5; 104; 105,7
23.	Quảng Trị	88,5; 91,5; 94; 95; 96,5; 100; 101; 101,5; 103,5;
24.	Sơn La	94; 95; 96,5; 97; 100; 101; 103,5
25.	Tây Ninh	101
26.	Thái Nguyên	97,8; 99,5
27.	Thanh Hóa	91,5; 94; 95; 96,5; 100; 101; 103,5; 101,5
28.	Thành phố Hồ Chí Minh	89; 91; 94; 96,5; 102,7; 104; 105,7
29.	Tuyên Quang	90,5; 94,5; 95; 96,5; 97; 99,5; 100
30.	Vĩnh Long	95; 103,5

Chú thích

(1) Vị trí (kinh độ, vĩ độ) của địa điểm nơi đặt anten, độ cao anten, công suất phát sóng được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

(2) Khi triển khai tần số này, VOV cần phối hợp với các đài phát thanh FM đã được cấp phép để tránh can nhiễu.

(3) Máy phát sóng kênh tần số 95 MHz đặt tại phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(4) Máy phát sóng kênh tần số 95 MHz đặt tại Đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Phụ lục III
QUY HOẠCH SỬ DỤNG KÊNH TẦN SỐ PHÁT THANH FM BẰNG
TẦN 87-108 MHz CHO CƠ QUAN BÁO VÀ PHÁT THANH, TRUYỀN
HÌNH TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên tỉnh, thành phố (địa bàn đặt đài phát sóng ⁽¹⁾)	Tần số trung tâm (MHz)	Công suất phát sóng tham chiếu (kW) ⁽²⁾
1.	An Giang	93,1	5
		99,4	5
2.	Bắc Ninh	92,1	2
		98,4	5
3.	Cà Mau	93,8	3
		94,6	5
4.	Cần Thơ	89,6	3
		97,3	5
		100,4	5
5.	Cao Bằng	99,0	5
6.	Đà Nẵng	97,6	5
		98,5	5
7.	Đắk Lắk	94,7	5
		96,0	5
8.	Điện Biên	98,0	5
9.	Đồng Nai	89,4	5
		97,5	5
10.	Đồng Tháp	96,2	5
		98,4	5
11.	Gia Lai	97,0	5
		102,0	5
12.	Hà Nội	90,0	20
		96,0	20
		98,9	20
13.	Hà Tĩnh	97,8	5
14.	Hải Phòng	93,7	5
		104,5	3
15.	Hưng Yên	92,7	5
16.	Khánh Hòa	95,0 ⁽³⁾	5
		106,5	5
17.	Lai Châu	94,1	5
18.	Lâm Đồng	92,3	5
		96,6	5

STT	Tên tỉnh, thành phố (địa bàn đặt đài phát sóng ⁽¹⁾)	Tần số trung tâm (MHz)	Công suất phát sóng tham chiếu (kW) ⁽²⁾
		97,0	5
19.	Lạng Sơn	88,6	5
20.	Lào Cai	92,1	5
		97,0	5
21.	Nghệ An	99,6	5
22.	Ninh Bình	93,3	2
		95,1	2
		98,1	5
23.	Phú Thọ	105,0	5
		106,0	5
24.	Quảng Ngãi	95,1 ⁽⁴⁾	5
		102,9	5
25.	Quảng Ninh	97,8	5
26.	Quảng Trị	92,5	5
		96,1	5
27.	Sơn La	96,0	5
28.	Tây Ninh	96,9	5
		103,1	5
29.	Thái Nguyên	102,1	5
		106,5	5
30.	Thanh Hóa	92,3	5
31.	Thừa Thiên Huế	93,0	5
32.	Thành phố Hồ Chí Minh	87,7	20
		92,0	5
		92,5	5
		95,6	20
		99,9	20
33.	Tuyên Quang	92,0	5
		95,6	5
34.	Vĩnh Long	90,2	2
		92,7	3
		97,9	3

Chú thích

(1) Vị trí (kinh độ, vĩ độ) của địa điểm nơi đặt anten, độ cao anten, công suất phát sóng được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

(2) Công suất tham chiếu là công suất dùng để tính toán vùng phủ sóng và xác định khả năng can nhiễu. Trường hợp cần phải có công suất lớn hơn thì công suất tối đa không vượt quá 200%.

(3) Máy phát sóng kênh tần số 95 MHz đặt tại phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa.

(4) Máy phát sóng kênh tần số 95,1 MHz đặt tại phường Đắc Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi.